

HIỆN TRẠNG QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN CỦA LÀNG NGHỀ THỦ CÔNG MỸ NGHỆ MÂY TRE ĐAN XÃ YÊN TIẾN, HUYỆN Ý YÊN, TỈNH NAM ĐỊNH

Nguyễn Thu Hương*, Vi Thùy Linh
Trường Đại học Khoa học - ĐH Thái Nguyên

TÓM TẮT

Nghiên cứu được thực hiện nhằm tìm hiểu những nguồn phát sinh chất thải của làng nghề thủ công, đồng thời tìm ra những bất cập trong công tác quản lý chất thải rắn tại làng nghề thủ công mỹ nghệ mây tre đan xã Yên Tiến, Huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng công tác quản lý chất thải rắn của làng nghề thủ công mỹ nghệ mây tre đan xã Yên Tiến còn chưa hợp lý, chưa đáp ứng được nhu cầu về môi trường: không có người và phương tiện chuyên chở rác, các hộ tự thu gom và tự vận chuyển đến bãi rác công cộng. Rác thải được các hộ làm nghề thường xử lý bằng cách đổ ra bãi rác công cộng, đổ xuống mương, đốt. Thông qua kết quả nghiên cứu, đề xuất giải pháp tăng cường công tác quản lý chất thải tại làng nghề thủ công mỹ nghệ mây tre đan xã Yên Tiến trong thời gian tới.

Từ khóa: Chất thải; quản lý chất thải rắn; làng nghề; mây tre đan; Xã Yên Tiến.

Ngày nhận bài: 11/4/2019; Ngày hoàn thiện: 13/5/2019; Ngày duyệt đăng: 06/6/2019

CURRENT SITUATION OF SOLID WASTES MANAGEMENT OF CRAFTS OF YEN TIEN COMMUNE, Y YEN DISTRICT, NAM DINH PROVINCE

Nguyen Thu Huong*, Vi Thuy Linh
TNU - University of sciences

ABSTRACT

The research was conducted to find out the sources of solid waste from handicraft villages, as well as to point out inadequacies of solid waste management in the village of Yen Tien rattan and bamboo, Y Yen district, Nam Dinh province. The research results show that the solid waste management of Yen Tien rattan and bamboo handicraft village is unreasonable, not meeting the environmental demands: no people and transport facilities. Garbage, households collect and transport themselves to public landfill. Garbage is usually handled by household businesses by dumping it into the landfill plus adding it to the ditch, how to burn. Through the research results, propose solutions to enhance waste management work in the bamboo and rattan handicraft village in Yen Tien commune in the future.

Keywords: Waste; solid waste management; handicraft villages; bamboo and rattan; Yen Tien commune.

Received: 11/4/2019; Revised: 13/5/2019; Approved: 06/6/2019

* Corresponding author. Email: huong.nt@tnus.edu.vn

1. Đặt vấn đề

Ngày nay, các làng nghề đã và đang đóng góp một phần quan trọng trong việc phát triển kinh tế- xã hội, giúp ổn định thu nhập và cải thiện đời sống cho người dân địa phương. Bên cạnh đó, làng nghề cũng tạo ra nhiều bất cập như gây ô nhiễm môi trường. Tỉnh Nam Định có khoảng hơn 130 làng nghề trong đó có hơn 50 làng nghề truyền thống với lịch sử hình thành và phát triển đến vài trăm năm tuổi ở các địa phương. Huyện Ý Yên được coi là “đất trăm nghề” với nhiều làng nghề truyền thống nổi tiếng như: Làng nghề sơn quang Cát Đằng, chạm khắc gỗ La Xuyên, đúc đồng Tống Xá, khảm trai Ninh Xá... [3]. Đặc biệt, làng nghề thủ công mỹ nghệ mây tre đan ở xã Yên Tiến, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định được coi là cái nôi của tre trúc Việt Nam. Xã Yên Tiến là một xã nằm ở phía Tây Nam huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định, cách trung tâm huyện khoảng 2 km về phía Nam. Diện tích tự nhiên: 905,08 ha. Hiện nay với khoảng 3000 hộ gia đình trong xã (chiếm 80% tổng số hộ) làm nghề sản xuất mây tre đan phân bố cả ở 19 thôn[4]. Với vị trí địa lý như trên, xã Yên Tiến có những thuận lợi, tạo điều kiện cho phát triển kinh tế xã hội, giao lưu văn hoá trao đổi khoa học kỹ thuật với các địa phương trong và ngoài huyện. Nhờ phát triển mạnh nghề thủ công mỹ nghệ tre, nứa chắt, đời sống kinh tế của người dân xã Yên Tiến, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định, đã có những bước phát triển ấn tượng, là một trong những xã mạnh về kinh tế của toàn tỉnh.[1]

Bên cạnh những sản phẩm có giá trị được tạo ra thì trong quá trình sản xuất cũng tạo ra một lượng không ít các chất thải ở cả 3 dạng rắn, lỏng, khí, trong đó đặc biệt là chất thải rắn phần lớn vẫn chưa được thu gom, xử lý triệt để tại làng nghề [1]. Nghiên cứu “*Hiện trạng chất thải rắn của làng nghề thủ công mỹ nghệ mây tre đan xã Yên Tiến, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định*” được thực hiện nhằm tìm ra những bất cập trong công tác quản lý chất thải

rắn làng nghề tại xã Yên Tiến. Từ đó, đề xuất giải pháp góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường làng nghề.

2. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu

2.1. Đối tượng nghiên cứu:

Công tác quản lý chất thải rắn làng nghề thủ công mỹ nghệ mây tre đan tại Xã Yên Tiến, Huyện Ý Yên, Tỉnh Nam Định.

2.2. Phương pháp thu thập thông tin

Thông tin thứ cấp: được thu thập từ Báo cáo hiện trạng rác thải tại làng nghề mây tre đan Xã Yên Tiến, Hiệp hội làng nghề Tỉnh Nam Định, Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh Nam Định.

Thông tin sơ cấp: Xác định số đơn vị mẫu cần chọn Theo Slovin (1984), cỡ mẫu được xác định theo công thức sau: $n = N/(1 + Ne^2)$

Trong đó: N: tổng số hộ làm nghề thủ công mỹ nghệ mây tre đan (3000 hộ), n: số hộ đại diện; e: sai số cho phép (10%). Như vậy tác giả lựa chọn 97 hộ làm nghề mây tre đan trong xã để phỏng vấn.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Thực trạng sản xuất của làng nghề thủ công mỹ nghệ mây tre đan xã Yên Tiến

Căn cứ Nghị định số 52/2018/NĐ-CP về phát triển ngành nghề nông thôn [6]. UBND Tỉnh Nam Định công nhận Xã Yên Tiến có các Làng nghề truyền thống gồm: Làng nghề truyền thống sơn mài Cát Đằng và Làng nghề truyền thống sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ mây tre đan, Làng nghề nứa ghép xã Yên Tiến. Ngoài ra còn một số hộ làm nghề chế biến và sản xuất các sản phẩm thủ mỹ nghệ như đồ thờ, đúc đồng... Theo kết quả điều tra, trong số các hộ làm nghề có đến 85% hộ gia đình sản xuất tại nhà, các hộ nằm xen lẫn trong khu dân cư, không tập trung trong một khu vực nhất định. Số còn lại họ dành phần lớn thời gian đi làm tại các phân xưởng lớn của công ty sản xuất mây tre đan trên địa bàn xã. Trong xã, chỉ một số cơ sở có xưởng sản xuất riêng và được chính quyền huyện cấp giấy phép kinh doanh.

Bảng 1. Danh sách hộ sản xuất được phép kinh doanh mây tre đan

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Sản lượng (sp/năm)	Diện tích xưởng (m ²)
1	Bùi Văn La	Thượng Thôn	41000	120
2	Phạm Văn Quân	Thượng Thôn	20000	115
3	Phạm Văn Tuấn	Thượng Thôn	48000	135
4	Bùi Văn Hải	Thượng Thôn	50000	143
5	Bùi Văn Mật	Thượng Thôn	40000	121
6	Trần Xuân Mai	Xóm Bè	49000	136
7	Đinh Văn Khanh	Đông Thịnh	43000	125
8	Đinh Văn Khánh	Đông Thịnh	47000	134
9	Đinh Văn Tịnh	Đông Thịnh	45000	130
10	Ngô Văn Toàn	Hùng Vương	52000	145
11	Phạm Văn Quảng	Hùng Vương	23000	117
12	Bùi Văn Hải	Tân Lập	60000	150
13	Nguyễn Trọng Kỳ	Tân Lập	46000	132

Nguồn: UBND xã Yên Tiến và kết quả điều tra, 2018

Các hộ được cấp giấy phép kinh doanh sản xuất mặt hàng mây tre đan chỉ chiếm khoảng 0.004% (trên tổng số hơn 3000 hộ gia đình sản xuất đồ thủ công mỹ nghệ) số còn lại là sản xuất nhỏ lẻ và kiêm cả nghề khác như sơn mài, làm đồ gỗ... Hầu hết các hộ làm nghề mây tre đan truyền thống phân bố rải rác ở 19 thôn trên địa bàn xã. Tuy nhiên sản xuất mây tre đan tập trung chủ yếu ở thôn Thượng Thôn do số lượng các hộ tiếp nối nghề truyền thống gia đình lớn hơn, chiếm khoảng 60% so với toàn xã. Các hộ sản xuất được phép kinh doanh có diện tích từ 110 đến 150m² đủ rộng rãi để phục vụ cho quá trình sản xuất tạo ra sản phẩm và số lượng sản phẩm sản xuất ra trong 1 năm ít nhất là 20.000 sản phẩm.

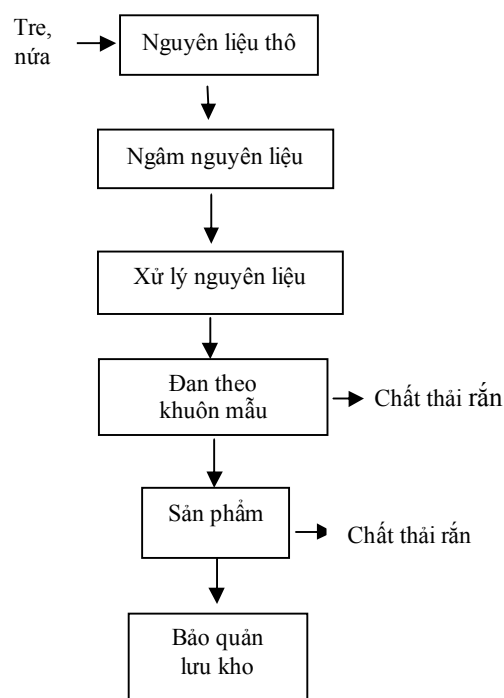
Ước tính bình quân mỗi ngày làng nghề Yên Tiến sử dụng 150 – 200 tấn nguyên liệu tre, nứa để sản xuất ra khoảng trên 40 nghìn sản phẩm, tập trung ở một số thôn như: Thượng Thôn, Xóm Bè, Đông Thịnh, Hùng Vương, Tân Lập.

Bảng 2. Ước tính khối lượng nguyên liệu cho sản xuất mây tre đan tại xã Yên Tiến

STT	Địa chỉ	Khối lượng (tấn/năm)
1	Thượng Thôn	3500 – 4500
2	Xóm Bè	1600 – 1800
3	Đông Thịnh	2300 – 2500
4	Hùng Vương	3000 – 3200
5	Tân Lập	2600 – 2800
6	Các thôn còn lại	300 – 400

Nguồn: UBND xã Yên Tiến và kết quả điều tra, 2018

3.2. Quy trình sản xuất



3.3. Nguồn lao động

Sản xuất mây tre đan là ngành thu hút nhiều lao động nhất ở xã Yên Tiến, hoạt động sản xuất này đã tạo việc làm cho hàng nghìn lao động của xã, đặc biệt là nghề không kén người lao động nên nam, nữ từ thanh niên, trung niên đến những người cao tuổi đều có thể tham gia vào các công đoạn của quá trình sản xuất. Đồng thời nghề cũng thu hút đáng kể lao động từ các địa phương khác đến làm. Mỗi một hộ trong làng nghề sản xuất mây tre đan thường có 3-4 lao động. Trung bình trong xã có khoảng 10.000 lao động biết làm mây tre đan.

Trong đó lao động thường xuyên chỉ chiếm 60%, còn lại là lao động thời vụ thường làm vào 6 tháng cuối năm. Thu nhập đối với lao động thời vụ giá trung bình là 100.000 đến 150.000 đồng/người/ngày. Thu nhập bình quân của các thợ làm các công việc đơn giản như xử lý nguyên liệu (trẻ, tước, sơn, đánh bóng...) là 4-6 triệu đồng/ người/tháng; thu nhập của thợ chính, có kinh nghiệm lâu năm từ 10-15 triệu đồng/người/tháng.

3.4. Sản phẩm và thị trường

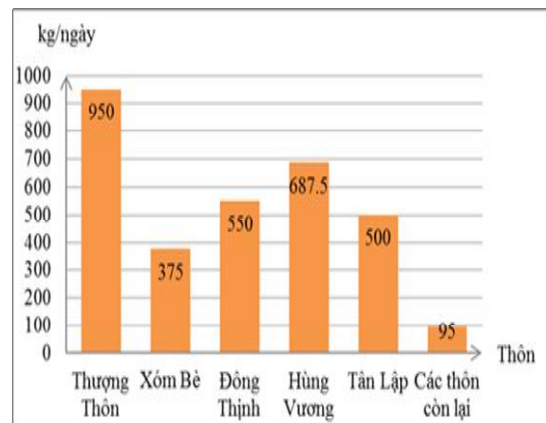
Các sản phẩm của làng nghề này là thùng mùng, giần, sàng, rổ rá, bát, khay, giỏ... Sự đa dạng của các sản phẩm đã mang lại những hiệu quả kinh tế cao cho dân làng nghề. Một vài doanh nghiệp lớn của Việt Nam mang những sản phẩm mây tre đan chào hàng, trưng bày ở các hội chợ, triển lãm trong nước và quốc tế. Sau đó họ ký hợp đồng với các đơn vị nước ngoài về các mặt hàng mà đối tác cần. Về nước, các doanh nghiệp lớn sẽ đặt hàng với làng nghề để sản xuất ra các sản phẩm đó, sau khi ra sản phẩm họ sẽ mua và bán cho các đối tác đã được ký kết. Qua phỏng vấn các hộ gia đình làm nghề, nhiều sản phẩm mỹ nghệ của xã đã xuất sang nhiều thị trường lớn, khó tính như: Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, châu Âu, Mỹ... Ngày nay, có tới 75% các hộ gia đình chuyển sang sản xuất các sản phẩm mây tre đan đáp ứng yêu cầu xuất khẩu tại một số quốc gia theo đơn đặt hàng của một số doanh nghiệp. Thông qua xuất khẩu, giá trị các sản phẩm cao hơn, đem lại thu nhập tốt hơn cho các hộ nghề. Sản phẩm thủ công mỹ nghệ được tiêu thụ trong nước và xuất khẩu mang lại lợi nhuận 200 đến 400 triệu đồng/năm cho một xưởng sản xuất có quy mô trung bình.

Tuy nhiên, hiện làng nghề cũng phải đối mặt với nhiều khó khăn: Thị trường tiêu thụ không ổn định, giá cả bấp bênh. Để xuất khẩu, các sản phẩm thủ công mỹ nghệ mây tre đan thì các sản phẩm này phải đáp ứng được các yêu cầu khắt khe về chất lượng sản phẩm,

nguồn gốc xuất xứ của nguyên liệu và giá cả, thị hiếu của của các quốc gia nhập khẩu. Nguyên nhân là do, sản xuất sản phẩm ở làng nghề này chủ yếu ở quy mô nhỏ và hộ gia đình, công nghệ sản xuất lạc hậu, sản phẩm sản xuất ra còn hết sức đơn điệu về mẫu mã, năng lực của doanh nghiệp thu gom hàng xuất khẩu thấp. Các hộ nghề cũng như doanh nghiệp xuất khẩu hàng thủ công mỹ nghệ cho làng nghề chưa đầu tư vào các hoạt động thiết kế, chưa có sự phối hợp giữa các nghệ nhân và các nghệ sĩ để tạo ra các sản phẩm có tính mỹ thuật cao cung cấp cho các thị trường khó tính [5].

3.5. Nguồn phát sinh chất thải rắn

Kết quả điều tra thực tế và thu thập các tài liệu liên quan, trong quá trình sản xuất nguyên liệu chính là tre, nứa, luồng nên chất thải rắn phát sinh gồm sợi dăm, tre khi vuốt sợi, phôi nứa, bột rác, các đoạn tre nứa thừa và ngoài ra còn là vỏ hộp sơn dầu bóng, một số sản phẩm hỏng hoặc bị mốc.



Biểu đồ 1. Lượng rác thải phát sinh của các thôn trong một ngày

Bảng 3. Các loại chất thải phát thải sinh trong quá trình sản xuất

STT	Loại chất thải	Tỉ lệ (%)
1	Sợi dăm tre	40,5
2	Đoạn tre nứa thừa	20
3	Bột rác	4,5
4	Vỏ hộp sơn, giấy giáp	25
5	Sản phẩm hỏng, mốc	10
6	Tổng	100

Dựa vào kết quả điều tra trên ta thấy mỗi ngày các cơ sở sản xuất mây tre đan phát sinh chất thải rắn vào môi trường là tương đối lớn. Tại thôn Thượng Thôn khối lượng chất thải phát sinh lớn nhất được ước tính trung bình khoảng 950 kg/ngày (tương đương khoảng 346,75 tấn/năm) do số hộ tham gia làm nghề lớn (chiếm 60% tổng số hộ làm nghề). Đứng vị trí thứ hai là thôn Hùng Vương với khối lượng ước tính khoảng 687,5 kg/ngày (hay trong một năm khối lượng chất thải ước tính trung bình là 250,94 tấn). Riêng Xóm Bè do số hộ tham gia làm nghề ít hơn nên khối lượng chất thải rắn phát sinh vào môi trường nhỏ 375kg/ngày (tương đương với một năm khoảng 136,87 tấn). Các thôn còn lại do chỉ có một số gia đình sản xuất nhỏ lẻ hoặc chỉ làm lúc nông nhàn nên khối lượng chất thải từ mây tre đan phát sinh tại các thôn này rất nhỏ ước tính trung bình khoảng 95kg/ngày (hay khoảng 34,67 tấn/năm). Như vậy có thể thấy khối lượng chất thải rắn phát sinh trong quá trình sản xuất tỷ lệ thuận với khối lượng nguyên liệu được cung cấp. Tuy nhiên các số liệu trên cũng chỉ mang tính chất ước lượng bởi tại địa phương chưa có các biện pháp quản lý cụ thể về khối lượng chất thải rắn phát sinh vào môi trường. Do các cơ sở sản xuất nhỏ lẻ là chủ yếu nên chính quyền địa phương rất khó khăn trong việc kiểm soát các nguồn thải gây ô nhiễm.

Khối lượng chất thải rắn phát sinh phụ thuộc vào nguồn cung cấp nguyên liệu và thời gian sản xuất trong năm. Các chất thải rắn này phát sinh chủ yếu từ khâu sơ chế nguyên liệu.

3.6. Công tác thu gom, xử lý chất thải tại làng nghề

Bảng 5. Cách thức xử lý rác thải từ hoạt động sản xuất mây tre đan của Làng nghề truyền thống Xã Yên Tiến, Huyện Ý Yên, Tỉnh Nam Định

Cách thức	Thượng Thôn		Hùng Vương		Tân Lập		Đông Thịnh	
	Số hộ	%	Số hộ	%	Số hộ	%	Số hộ	%
Sử dụng làm chất đốt	0	0	1	6,2	3	18,8	1	6,2
Vận chuyển ra bãi rác	14	87,5	5	31,3	5	31,3	9	56,3
Đổ xuống kênh mương	2	12,5	4	25	1	6,2	2	12,5
Đốt bỏ đi	2	12,5	6	37,5	7	43,8	4	25

- Công tác thu gom, vận chuyển chất thải rắn
- + Chất thải rắn phát sinh trong quá trình sản xuất mây tre đan hàng ngày được các hộ sản xuất thu gom đóng vào bao để đem đi xử lý.
- + Một số hộ thu gom tập kết chất thải vào một khu riêng sau khi khối lượng đủ lớn sẽ được vận chuyển đến bãi rác.

Bảng 4. Tần suất thu gom, loại bỏ chất thải

STT	Tần suất	Số hộ	Tỷ lệ
1	1 ngày/lần	3	3,1%
2	2 ngày/ lần	18	18,65%
3	3 ngày/ lần	29	29,8%
4	1 tuần/ lần	47	48,45%

Qua khảo sát, các hộ gia đình trên toàn xã có tần suất thu gom, loại bỏ chất thải hàng ngày là rất nhỏ, chỉ chiếm 3,1%, đó là những hộ gia đình sản xuất kinh doanh quy mô lớn, họ cần loại bỏ chất thải hàng ngày để khu sản xuất, nhà xưởng luôn sạch đẹp. 48,45% số hộ thu gom và loại bỏ chất thải hàng tuần, họ thường tích rác lại một góc rồi để hàng tuần bỏ đi một thể để đỡ mất thời gian của thành viên trong đi bỏ rác ở xa.

- Cách xử lý chất thải từ hoạt động sản xuất tiểu thủ công nghiệp

+ Những năm trước đây, lượng chất thải rắn này thường được sử dụng vào mục đích sinh hoạt như đun nấu hoặc bán cho các hộ gia đình khác. Tuy nhiên, khi đời sống của người dân được nâng cao, các hộ gia đình chủ yếu sử dụng bếp gas nên lượng sợi dăm, tre khi vượt sợi, phôi nửa, mùn tre nửa, các đoạn tre nửa thừa không được thu gom sử dụng. Các hộ gia đình phải tự xử lý bằng cách đem ra ngoài bãi rác công cộng đổ hoặc đổ ra ao hồ, kênh mương hoặc đốt.

Qua thực trạng khảo sát cho thấy các hộ sản xuất trong làng nghề xử lý chất thải rắn phát sinh từ sản xuất mây tre đan chủ yếu là sử dụng làm chất đốt hoặc đốt bỏ đi hoặc đổ vào bãi rác chung hoặc đổ ra kênh mương. Trong đó phương pháp đốt bỏ đi được hộ sản xuất sử dụng rộng rãi nhất do người lao động sẽ không mất thời gian chở rác nặng đi bỏ ở xa, chỉ cần thu gom vào một góc ngoài xưởng sản xuất, chờ khô và đốt. Nhưng phương pháp này tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm không khí. Bên cạnh đó có phương pháp đổ chất thải xuống các ao hồ kênh mương điều này gây mất diện tích mặt nước, mất mỹ quan và lãng phí tài nguyên. Nguyên nhân là do xã chưa quy hoạch được khu đổ chất thải của làng và không có đơn vị thu mua.

3.7. Đánh giá

Mặc dù được công nhận là Làng nghề truyền thống nhưng các hoạt động sản xuất ở làng nghề chưa chấp hành nghiêm các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường có các yêu cầu về cam kết bảo vệ môi trường. Thực tiễn qua điều tra cho thấy hầu hết các cơ sở sản xuất, kinh doanh mây tre đan trên địa bàn chỉ quan tâm nhiều đến lợi nhuận kinh tế mà lơ đi yếu tố bảo vệ môi trường, giữ gìn môi trường trong lành cho cộng đồng. Làng nghề truyền thống phát sinh nước thải sản xuất không qua xử lý thải trực tiếp ra môi trường, gây ô nhiễm cục bộ lưu vực sông nội đồng chảy qua làng nghề.

Nhiều hoạt động môi trường chỉ mang nặng tính hình thức như treo khẩu hiệu, thông báo ở bảng tin chưa đi sâu vào tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng người dân cũng như đi sâu, đi sát tùy theo điều kiện địa phương để thực hiện.

Công tác cập nhật thường xuyên các số liệu về tình hình phát sinh, tính chất, thành phần, loại chất thải rắn làng nghề phải xử lý gặp rất nhiều khó khăn do vậy dẫn đến khó khăn trong việc quản lý.

Tình hình thực thi pháp luật bảo vệ môi trường tại làng nghề còn rất nhiều bất cập, yếu kém.

Đây cũng là một trong những nguyên nhân dẫn đến việc khó kiểm soát ô nhiễm môi trường trong giai đoạn hiện nay. Thực tiễn cho thấy hầu hết các hộ nghề, các cơ sở sản xuất, kinh doanh mây tre đan trên địa bàn chỉ quan tâm nhiều đến lợi nhuận kinh tế, mà chưa chú trọng đến công tác bảo vệ môi trường. Điều này làm cho môi trường sống ngày càng xuống cấp trầm trọng, ảnh hưởng đến chính sức khỏe người dân trên địa bàn.

4. Kết luận và kiến nghị

Qua những phân tích trên, có thể thấy chất thải rắn phát sinh từ hoạt động sản xuất mây tre đan có tới 50% chưa được thu gom, xử lý triệt để. Chúng được đổ thải bừa bãi vào các kênh mương làm mất mỹ quan, ách tắc dòng chảy và ô nhiễm nguồn nước hoặc đem đốt gây ô nhiễm không khí. Đổ thải bừa bãi một lượng lớn chất thải từ tre nứa mất diện tích đất canh tác.

Một số thôn trong xã không có nhân viên vệ sinh. Lực lượng cán bộ môi trường còn mỏng, chưa có chế độ ưu đãi đối với công nhân vệ sinh môi trường nên hiệu quả làm việc chưa cao.

Vì vậy, để cải thiện môi trường làng nghề thủ công mỹ nghệ tại xã Yên Tiến cần thực hiện đồng bộ các giải pháp:

Thứ nhất, nâng cao nhận thức của các hộ nghề, các cơ sở sản xuất tại làng nghề qua các buổi họp thôn xóm, tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức của họ về bảo vệ môi trường làng nghề.

Thứ hai, nâng cao vai trò của Ban quản lý làng nghề (trưởng Ban làng nghề) trong việc tuyên truyền, quản lý các hộ nghề, bằng cách yêu cầu các hộ làm nghề ký cam kết bảo vệ môi trường, vứt rác đúng nơi quy định,...

Thứ ba, nâng cao vai trò của lãnh đạo địa phương từ cấp Thôn, Xã trong việc quản lý làng nghề. Thực hiện công tác quản lý nhà nước về BVMT làng nghề theo quy định. Đôn đốc việc xây dựng nội dung BVMT trong hương ước, quy ước của làng nghề; Tổ chức kiểm tra, hướng dẫn cơ sở thực hiện quy định

của pháp luật về BVMT và xử lý vi phạm theo thẩm quyền;

Thứ tư, phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước về làng nghề như: Hiệp hội làng nghề, Phòng Tài Nguyên và môi trường, Sở Công Thương, Sở Tài Nguyên và Môi trường để phối hợp trong việc đánh giá, giám sát, vận động, hỗ trợ các hộ nghề tham gia giữ gìn vệ sinh môi trường, xử lý chất thải theo quy định

Thứ năm, có chế tài xử phạt đối với làng nghề và hộ nghề vi phạm về môi trường. Mỗi năm cần tiến hành tổng kết lại toàn bộ các chương trình hoạt động và có chính sách khen thưởng, kỷ luật đối với những đơn vị, cá nhân có thành tích trong việc nâng cao ý thức bảo vệ môi trường làng nghề. Những người chịu trách nhiệm nếu hoàn thành tốt hoặc không hoàn thành nhiệm vụ tùy theo mức độ cũng nên có hình thức xử lý phù hợp để nâng cao tinh thần trách nhiệm.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. UBND xã Yên Tiến, *Báo cáo thuyết minh tổng hợp quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2011 – 2020*.
- [2]. Trần Văn Huân, *Đánh giá hiện trạng và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý chất thải rắn tại làng nghề Thái Yên, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh*, ĐH Quốc gia Hà Nội, 2014.
- [3]. Thành Trung, “Những người giữ lửa làng nghề”, 24/10/2018, <https://namdinh.gov.vn/ntmnd/2501/38530/45228/110790/Thông-tin-lang-nghe/Nhung-nguoi--giu-lua--lang-nghe.aspx>.
- [4]. Công Luật, “Cải thiện môi trường các làng nghề tại Nam Định”, 21/4/2019, <https://dantocmiennui.vn/xa-hoi/cai-thien-moi-truong-cac-lang-nghe-tai-nam-dinh/230484.html>.
- [5]. Nguyễn Hương, “Huyện Ý Yên (Nam Định): Tăng cường quảng bá sản phẩm làng nghề”, 21/3/2019, <http://thoibaoviet.com.vn/lang-nghe/huyen-y-yen-nam-dinh-tang-cuong-quang-ba-san-pham-lang-nghe.html> | 5243.
- [6]. Chính phủ, “Nghị định về phát triển ngành nghề nông thôn”, NĐ 52/2018/NĐ-CP.

